Signature Not Verified
Được ký bởi BÙI MẠNH HÙNG
Ngày ký: 27.03.2014 09:08

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

EVNTPC NINH BINH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
NĂM 2013

Ninh Bình, tháng 3 năm 2014

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Số: 141/BC-NBTPC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 26 tháng 3 năm2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Năm báo cáo 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (NBTPC).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ngày 25 tháng 10 năm 2011 Công ty thực hiện đăng ký thay đổi lần thứ nhất Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận số: 2700283389.
- Vốn điều lệ: 128,655 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 01A - Đường Hoàng Diệu - Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 030.2210.537
- Số fax: 030.3873.762
- Website: http://www.nbtpc.com.vn
- Mã cổ phiếu: NBP

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Ngày 17/1/1974 Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình theo quyết định của Bộ Điện và Than. Là đơn vị hạch toán phụ thuộc, thuộc Công ty Điện lực Miền Bắc.
+ Ngày 4/3/1995 Bộ Năng lượng có quyết định số 113 v/v chuyển Nhà máy nhiệt điện Ninh Bình là đơn vị hạch toán phụ thuộc, thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
+ Ngày 30/3/2005 Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Nhiệt điện Ninh Bình hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
+ Ngày 29/12/2006 Bộ Công nghiệp có quyết định số 3945/2006 về việc Phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
+ Ngày 11/12/2007 Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
+ Ngày 31/12/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Đang ký thay đổi lần đầu ngày 25/10/2011, mã số doanh nghiệp 2700283389;
+ Ngày 22/7/2009 Sở GDCK Hà Nội đã ban hành Quyết định số 422/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận cho CTCP Nhiệt điện Ninh Bình được niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội.
+ Ngày 06/8/2009 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được chính thức giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội.

- Các sự kiện khác:

+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tiền thân là Nhà máy Điện Ninh Bình (trực thuộc Công ty Điện lực miền Bắc trước đây) được thành lập theo Quyết định số 119/ĐT-NCQLKT ngày 17/01/1974 của Bộ trưởng Bộ Điện và Than.

+ Ngày 29/12/2006 Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 3954/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007;

+ Ngày 13/12/2007, tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Đại hội cổ đông nhất trí thực hiện đăng ký niêm yết và giao dịch cổ phiếu của Công ty trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội.

+ Trước đây, Công ty hoạt động theo mô hình công ty thành viên hạch toán độc lập, thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 09-06-000.004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 10/5/2005. Từ ngày 01/01/2008 Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thực hiện hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ngày 25 tháng 10 năm 2011 Công ty thực hiện đăng ký thay đổi lần thứ nhất Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do có thay đổi về người đại diện pháp luật và điều chỉnh lại ngành nghề kinh doanh, Giấy chứng nhận mã số doanh nghiệp: 2700283389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp.

+ Ngày 24/5/2013 đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua sửa đổi Điều lệ công ty lần thứ nhất, bầu lại các thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2017.

+ Ngày 01/01/2013, Tập đoàn điện lực Việt Nam sắp xếp đổi mới tái cơ cấu ngành, Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình được chuyển sang Công ty mẹ- Tổng Công ty phát điện 3 quản lý. Phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình được Tập đoàn điện lực Việt Nam bàn giao cho Tổng công ty phát điện 3 từ ngày 20/12/2013.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

-Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi lần thứ nhất ngày 25/10/2011:

1	- Sản xuất điện	Mã ngành
2	- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu: *Chi tiết: Sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng*	35101 (chính)
3	- Sửa chữa thiết bị điện: *Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện*	3314
4	- Lắp dặt hệ thống điện: *Chi tiết : Đường dây và trạm biến áp*	4321
5	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659
6	- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) *Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện*	6499
7	- Dạy nghề: *Chi tiết: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành,* bảo	85322

	dưỡng , sửa chữa các thiết bị nhà máy điện	
8	- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác *Chi tiết: Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình*	71109

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn hoạt động kinh doanh chính tại Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh bình.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty hiện có 13 đơn vị gồm các phòng nghiệp vụ và các phân xưởng, được chia làm 03 khối (xem Phụ lục I "Sơ đồ Quản trị và Tổ chức của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình").

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Đảm bảo sản xuất an toàn liên tục và kinh tế, cung cấp điện ổn định cho phát triển kinh tế, xã hội. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 500 triệu kWh trở lên, doanh thu từ sản xuất điện đạt từ 600 tỷ đồng trở lên; Đảm bảo tỷ lệ trả cổ tức tối thiểu đạt từ 10% trở lên, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Củng cố thiết bị để vận hành ổn định, giảm giá thành sản xuất tham gia thị trường phát điện cạnh tranh .

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Giữ vững sản xuất an toàn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; Tham gia đầu tư góp vốn xây dựng các nhà máy điện theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty phát điên3; Tìm các cơ hội đầu tư, nghiên cứu phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh trong các lĩnh vực khác.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Giữ vững hoạt động sản xuất điện năng đi đôi với mục tiêu bảo vệ môi trường chung của địa phương.

6. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của của Công ty:

- Năm 2013, là năm Công ty gặp nhiều bất lợi do vẫn còn ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát tăng cao, giá cả vật tư, nhiên liệu biến động theo chiều hướng tăng làm tác động xấu tới yếu tố đầu vào của sản xuất.

- Giá nhiên liệu chính (than) tăng cao làm cho giá thành sản xuất điện năng tăng lên (năm 2013 có hai lần tăng giá than hơn 60% so với năm 2012) làm cho giá thành sản xuất điện năng tăng lên, dẫn đến bất lợi lớn khi chào giá công suất điện trên thị trường điện theo từng giờ và từng ngày, gây khó khăn đến việc lập kế hoạch phát điện và doanh thu.

- Năm 2013, do tình hình thủy văn tốt nên các nhà máy thủy điện giá thành hạ tham gia vào thị trường điện cạnh tranh có nhiều lợi thế nên được huy động nhiều. Ngược lại, các nhà máy nhiệt điện do giá thành cao nên được huy động ít. Đặc biệt, Công ty là đơn vị nhiệt điện nhỏ có giá thành sản xuất cao nên việc tham gia vào thị trường điện cạnh tranh gặp nhiều khó khăn nên được huy động ít hơn, ảnh hưởng đến kế hoạch sản lượng, kế hoạch doanh thu và kế hoạch bảo dưỡng thiết bị.

+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tiền thân là Nhà máy Điện Ninh Bình (trực thuộc Công ty Điện lực miền Bắc trước đây) được thành lập theo Quyết định số 119/ĐT-NCQLKT ngày 17/01/1974 của Bộ trưởng Bộ Điện và Than.

+ Ngày 29/12/2006 Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 3954/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007;

+ Ngày 13/12/2007, tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Đại hội cổ đông nhất trí thực hiện đăng ký niêm yết và giao dịch cổ phiếu của Công ty trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội.

+ Trước đây, Công ty hoạt động theo mô hình công ty thành viên hạch toán độc lập, thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 09-06-000.004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 10/5/2005. Từ ngày 01/01/2008 Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thực hiện hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ngày 25 tháng 10 năm 2011 Công ty thực hiện đăng ký thay đổi lần thứ nhất Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do có thay đổi về người đại diện pháp luật và điều chỉnh lại ngành nghề kinh doanh, Giấy chứng nhận mã số doanh nghiệp: 2700283389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp.

+ Ngày 24/5/2013 đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua sửa đổi Điều lệ công ty lần thứ nhất, bầu lại các thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2017.

+ Ngày 01/01/2013, Tập đoàn điện lực Việt Nam sắp xếp đổi mới tái cơ cấu ngành, Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình được chuyển sang Công ty mẹ- Tổng Công ty phát điện 3 quản lý. Phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình được Tập đoàn điện lực Việt Nam bàn giao cho Tổng công ty phát điện 3 từ ngày 20/12/2013.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

-Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi lần thứ nhất ngày 25/10/2011:

		Mã ngành
1	- Sản xuất điện	35101 (chính)
2	- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu: *Chi tiết: Sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng*	3314
3	- Sửa chữa thiết bị điện: *Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện*	4321
4	- Lắp dặt hệ thống điện: *Chi tiết : Đường dây và trạm biến áp*	4659
5	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	6499
6	- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) *Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện*	85322
7	- Dạy nghề: *Chi tiết: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành,* bảo	

II. Tình hình hoạt động trong năm .

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRONG SXKD NĂM 2013

TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Chỉ tiêu KH do Đại hội cổ đông đề ra	Thực hiện năm 2013	So sánh TH/KH (%)
1	Sản lượng điện phát	Tr. kWh	600,00	605,31	100,89
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	534,00	549,20	102,85
3	Tổng chi phí SXKD	Tr. đồng	738.225,78	843.002,59	114,19
4	Tổng doanh thu SXKD	Tr. đồng	752.040,05	885.173,02	117,70
5	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	Tr. đồng	13.814,27	42.170,42	305,27
6	Thuế TNDN 25%*LNTT	Tr. đồng	3.453,57	10.523,35	304,71
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	10.360,70	31.647,07	305,45
8	Cổ tức (KH: 5%; Dự kiến chia: 13%)	Tr. đồng	6.432,75	16.725,15	260,00

Ghi chú: Trước khi tổ chứcĐại hội cổ đông năm 2013, do Công ty chưa ký được Hợp đồng giá bán điện với Tập đoàn điện lực Việt Nam nên chưa thể tính toán được Tổng doanh thu và lợi nhuận của năm.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch ĐHCĐ năm 2013	Thực hiện năm 2013	So sánh TH 2013/2012 (%)	So sánh TH/KH (%)
1	Sản lượng điện phát	Tr. kWh	620,76	600,00	605,31	97,51	100,89
2	Tỷ lệ điện tự dùng	%	9,74	11,00	9,27	95,07	84,27
3	Sản lượng điện TP	Tr. kWh	560,27	534,00	549,20	98,06	102,85
4	Than tiêu chuẩn	g/kWh	562,75	585,00	558,00	99,16	95,38
5	Dầu đốt	g/kWh	0,261	0,50	0,199	76,25	39.8
6	Tổng chi phí SXKD.	Tr. đồng	609.403,74	738.225,78	843.002,59	138,33	114,19
6.1	- Chi phí SX Điện	Tr. đồng	*579.382,02*	*712.706,37*	*816.440,59*	*140,92*	*114,55*
6.2	- Chi phí khác	Tr. đồng	*30.021,72*	*25.519,42*	*26.562,00*	*88,48*	*104,08*
7	Tổng doanh thu SXKD.	Tr. đồng	647.299,99	752.040,05	885.173,02	136,75	117,70
7.1	- Doanh thu SX Điện	Tr. đồng	*606.729,96*	*718.366,92*	*851.811,17*	*140,39*	*118,57*
7.2	- Doanh thu khác	Tr. đồng	*40.570,03*	*33.673,13*	*33.361,85*	*82,23*	*99,1*
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	37.896,25	13.814,27	42.170,42	111,28	305,27
9	Thuế TNDN 25%*LNTT	Tr. đồng	9.528,13	3.453,57	10.523,35	110,45	304,71
10	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	28.368,12	10.360,70	31.647,07	111,56	305,45
11	Cổ tức (KH: 5%; Dự kiến chia: 13%)	Tr. đồng	16.725,15	6.432,75	16.725,15	100	260,00
12	Giá bán điện bình quân	đ/kWh	1.082,92	1.345,26	1.551,00	143,22	115,29

Ghi chú: Năm 2013, Công ty chưa ký được hợp đồng mua bán điện với EVN nên việc ghi nhận doanh thu tạm tính theo nghị quyết số 81/NQ-HĐTV ngày 05/02/2013 của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) do vậy lợi nhuận là số tạm tính.

- Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013

+ Về tình hình Doanh thu và thu nhập khác:

Năm 2013, tổng doanh thu của Công ty đạt 885,173 tỷ đồng tăng 237,874 tỷ đồng so với năm 2012. Trong đó:

Doanh thu bán điện là 851,811 tỷ đồng tăng 245,081 tỷ đồng so với năm 2012 do giá bán điện cao hơn.

Giá bán điện năm 2013 cao hơn năm 2012 là 468,08 đồng/kWh do giá nhiên liệu đầu vào tăng.

Doanh thu và thu nhập khác là 33,36 tỷ đồng giảm 7,21 tỷ đồng so với năm 2012 do năm 2012 Công ty điều chỉnh khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm vào thu nhập khác theo hướng dẫn tại thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 về việc xử lý tài chính về chi trợ cấp MVL cho người lao động nên khoản thu nhập khác của năm 2012 cao.

+ Về chi phí:

Tổng chi phí năm 2013 cao hơn năm 2012 là: 233,589 tỷ đồng. Trong đó chi phí sản xuất điện tăng 237,058 tỷ đồng. Chi phí sản xuất điện tăng chủ yếu là do chi phí nhiên liệu tăng (Chi phí nhiên liệu tăng 216,992 tỷ đồng chiếm 91,53% trong chi phí SX điện). Chi phí nhiên liệu tăng do giá than tăng.

Chi phí khác còn lại tăng 20,066 tỷ đồng do giá cả vật tư thiết bị thị trường 2013 tăng cao hơn 2012.

+ Về lợi nhuận trước thuế:

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 cao hơn năm 2012 là 4,274 tỷ đồng trong đó lợi nhuận SX điện cao hơn là 8,022 tỷ đồng là do Công ty phấn đấu tiết kiệm được suất tiêu hao than, dầu và điện tự dùng từ đó giá thành giảm, lợi nhuận tăng.

Năm 2013, Công ty chưa ký được hợp đồng mua bán điện với EVN nên việc ghi nhận doanh thu tạm tính theo nghị quyết số 81/NQ-HĐTV ngày 05/02/2013 của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) do vậy lợi nhuận là số tạm tính.

Lợi nhuận khác năm 2013 thấp hơn so với năm 2012 lý do như đã trình bày ở phần trên (Phần doanh thu hoạt động khác)

+ Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ về quản lý và bảo toàn vốn kinh doanh, thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất, vì vậy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty được nâng cao, lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 14,35 %.

+ Khả năng thanh toán nợ nói chung và nợ đến hạn: Công ty đảm bảo đủ vốn thanh toán các khoản nợ đến hạn đối với các khách hàng, không có nợ quá hạn. Khả năng thanh toán hiện hành năm 2013 là 1,95 lần (Tổng tài sản/Nợ phải trả); Khả năng thanh toán nhanh năm 2013 là 0,32 lần (Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn).

+ Tình hình phân phối lợi nhuận của Công ty: Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê

duyệt kèm theo Quyết định số 296.2/NBTPC-HĐQT ngày 05/11/2008 của Hội đồng quản trị Công ty.

Tình hình chia cổ tức: Công ty dự kiến chia cổ tức năm 2013 là 13 % so với mệnh giá (tỷ lệ chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm tổ chức vào năm 2014).

2. ***Tổ chức và nhân sự***

– Danh sách Ban điều hành:

TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

1	**Ông Đỗ Hoành Khôi**	**Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**
❖	Chức vụ hiện tại	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	07/11/1955
❖	Nơi sinh	Dương Liễu - Hoài Đức – Hà Tây
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Nam Bình - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0913.292.584
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Chế tạo máy
❖	Quá trình công tác:	
	01/1979 - 03/1988	Kỹ sư Phòng kỹ thuật, NMĐ Ninh Bình
	4/1988 - 05/1999	Phó Quản đốc Phân xưởng lò, NMĐ Ninh Bình
	06/1999 - 07/2002	Quản đốc Phân xưởng lò, NMĐ Ninh Bình
	08/2002 - 12/2007	Phó Giám đốc, Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
	01/2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân sở hữu	11.000 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	2.124.632 CP
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	2.000 CP
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
2	**Ông Dương Thuỷ Đức**	**Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**
	Chức vụ hiện tại	Giám đốc Ban quản lý Dự án nhiệt điện Thái Bình
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	15/3/1959
❖	Nơi sinh	Tam Thanh - Vụ Bản - Nam Định
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Nam Bình - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0912.617.386
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế năng lượng
❖	Quá trình công tác:	

	04/1982 - 08/1992	Cán bộ Phòng Kế hoạch, NMĐ Ninh Bình
	09/1992 - 03/1999	Phó Phòng Kế hoạch, NMĐ Ninh Bình
	10/2004 - 09/2006	Phó Ban quản lý dự án Nhiệt điện Ninh Bình 2
	10/2006 - 12/2007	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
	01/01/2008 đến 26/12/2013	Phó Tổng Giám đốc Công ty
	26/12/13 đến nay	Giám đốc ban quản lý dự án nhiệt điện Thái Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	6.300 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Không
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
3	**Ông Tống Đức Chính**	**Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**
	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	01/01/1962
❖	Nơi sinh	Ninh Giang - Hoa Lư - Ninh Bình
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Đông Thành - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0302.210.562
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Chế tạo máy
❖	Quá trình công tác:	
	6/1984 - 10/1989	Kỹ thuật viên Phân xưởng Nhiên liệu, NMĐ Ninh Bình
	11/1989 - 9/2004	Phó Quản đốc Phân xưởng Nhiên liệu, NMĐ Ninh Bình
	10/2004 - 4/2010	Quản đốc Phân xưởng Nhiên liệu, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	5/2010 – nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	12.100 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Không
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ban tổ giám đốc có 03 người. Từ ngày 26/12/2013 ông Dương Thủy đức – TVHĐQT, phó Tổng Giám đốc được Tổng công ty phát điện 3 điều động làm Giám đốc ban quản lý dự án nhiệt điện Thái Bình.
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 821 người, trong đó:

+ Cán bộ đoàn thể: 03 người kiêm nhiệm

Về lao động:

+ Lao động trực tiếp: 604 người
+ Lao động gián tiếp: 123 người
+ Lao động phục vụ: 94 người

Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

+ Chính sách đào đạo

Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật để bổ sung vào các vị trí công việc của những lao động đến tuổi nghỉ chế độ. Tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại Công ty và cử cán bộ, công nhân kỹ thuật tham dự các khoá đào tạo chuyên đề nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và nắm bắt những tiến bộ về công nghệ để áp dụng vào sản xuất tại Công ty.

+ Chính sách tiền lương

Công ty áp dụng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo dân chủ, công bằng. Công ty thực hiện việc trả lương cho người lao động theo hai hình thức:

- Lương thời gian áp dụng cho người lao động khối nghiệp vụ và lao động thuộc dây chuyền sản xuất khép kín, trên cơ sở chức danh nghề nghiệp đảm nhận;
- Lương khoán áp dụng cho người lao động thực hiện các khối lượng công việc trong sửa chữa, đại tu, gia công cơ khí ...

+ Các chính sách khác:

- Duy trì và thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thất nghiệp cho người lao động theo Luật bảo hiểm xã hội, 100% lao động được tham gia đóng bảo hiểm xã hội.
- Các quỹ khen thưởng và phúc lợi thực hiện theo quy chế quản lý tài chính của Công ty (được báo cáo hàng năm trước Đại hội cổ đông của Công ty).
- Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần, duy trì chế độ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, tổ chức các đợt điều dưỡng và tham quan du lịch. Người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và quy định của Bộ luật Lao động ...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	366.957,03	452.022,73	123,18
Doanh thu thuần	626.714,54	866.624,93	138,28
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.363,22	42.284,85	123,05
Lợi nhuận khác	3.533,03	-114,43	
Lợi nhuận trước thuế	37.896,25	42.170,42	111,27
Lợi nhuận sau thuế	28.368,12	31.647,07	111,56
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Dự kiến trả 13%)	16.725,15	16.725,15	100,00

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Lần TSNH/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: Lần Tiền +các khoản tương đương tiên/ nợ ngắn hạn	2,01 0,41	1,81 0,32	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,42 0,72	0,51 1,05	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	8,59 1,71	6,42 1,92	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04 0,13 0,08 0,05	0,04 0,14 0,07 0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 12.865.500 cổ phần.
- Cổ phần đang lưu hành: 5.630.248 cổ phần.

Trong đó:

+ Cổ phần chuyển nhượng: 5.525.248 cổ phần.
+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 105.000 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 0h ngày 09/7/2013:

(Số liệu do Trung tâm lưu ký cung cấp)

Tên	Số nhà đầu tư	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
I- Trong nước	**756**	**12.701.300**	**98,72**	
1- Cá nhân	743	1.782.050	13,85	
2- Tổ chức	13	10.919.250	84,87	
II- Nước ngoài	**21**	**164.200**	**1,28**	

1- Cá nhân	16	88.900	0,69	
2- Tổ chức	5	75.300	0,59	
Tổng cộng	**787**	**12.865.500**	**100**	

- Từ ngày 20/12/2013 chuyển sở hữu cổ đông lớn từ Tập đoàn điện lực Việt Nam sang Tổng công ty phát điện 3 với số lượng :7.045.440 cổ phiếu với lý do Tập đoàn điện lực Việt Nam bàn giao theo quyết định thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty phát điện 3 theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/6/2012 của Bộ công Thương.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2013, mặc dù Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo linh hoạt của HĐQT và Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý cùng với sự nỗ lực của người lao động nên Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Ban lãnh đạo Công ty đã cùng với các bộ phận và các đơn vị từng bước tháo gỡ những khó khăn, bám sát và điều chỉnh kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh cho phù hợp với các chủ trương, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và kế hoạch SXKD mà Công ty đã đề ra.

– Những kết quả công ty đã đạt được:

Duy trì và giữ ổn định sản xuất, thực hiện tốt các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty đề ra. Ổn định sản xuất đi đôi với mục tiêu bảo vệ môi trường. Hoàn thiện các Quy chế, Quy định để nâng cao hiệu quả quản lý trong mô hình công ty cổ phần.

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản.

Trong năm 2013, Công ty luôn theo dõi vốn và tài sản hiện có, không có nợ phải thu xấu và tài sản xấu làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả.

Công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ phải trả đúng hạn, không có khoản trả nợ nào quá hạn. Công ty luôn đảm bảo nguồn vốn để trả nợ và không phải vay ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đang dần từng bước hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý của mô hình công ty cổ phần, đặc biệt tập trung vào các quy chế mang lại lợi ích lớn cho người lao động ... Các quy chế này đã giúp người lao động thêm yên tâm tư tưởng và gắn bó với Công ty.

Rà soát, lập lại định biên của các đơn vị trong Công ty, tổ chức và sắp xếp hợp lý lao động trong từng bộ phận đã tạo điều kiện cho công tác SXKD của Công ty đạt hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đáp ứng phương thức huy động, tranh thủ các điều kiện thuận lợi để phát sản lượng cao. Vận hành thiết bị phải đảm bảo an toàn, hiệu quả và kinh tế, giảm giá thành sản xuất.

Xây dựng phương thức, kế hoạch sản xuất và sửa chữa thiết bị phù hợp theo từng thời kỳ, chủ động khắc phục các khiếm khuyết của thiết bị, không để xảy ra sự cố chủ quan, mất an toàn.

Tiếp tục đầu tư thay mới các thiết bị có tuổi thọ cao, hiệu suất kém như: các thiết bị hệ thống lọc bụi tĩnh điện, máy biến áp, cách điện Stator máy phát ...

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2013, Công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, nền kinh tế đất nước nói chung và ngành điện nói riêng: lạm phát tăng cao, giá cả vật tư, nhiên liệu biến động theo chiều hướng tăng làm tác động xấu tới yếu tố đầu vào của sản xuất. Một số thiết bị tiếp tục bộc lộ nhiều tồn tại không an toàn đặc biệt là các thiết bị chính như: hệ thống khử bụi tĩnh điện, Rô to máy phát; máy biến áp, cẩu cảng, turbin ...

HĐQT công ty đã tập trung lãnh đạo và nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo sát sao Ban điều hành Công ty trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của HĐQT.

Kết thúc năm 2013, Công ty đã hoàn thành vượt các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đề ra như: Sản lượng điện phát đạt 101 %; Nộp ngân sách cho tỉnh Ninh Bình 41,3 tỷ đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện nghị quyết của HĐQT đề ra, thực hiện những biện pháp và những giải pháp kịp thời, tranh thủ những thời cơ thuận lợi để tập trung cho sản xuất nhằm đảm bảo sản xuất an toàn, lâu dài, hiệu quả. Ban Tổng Giám Đốc cùng với tập thể người lao động đã nỗ lực phấn đấu, thi đua lao động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả, phấn đấu tăng doanh thu, giảm chi phí để tăng lợi nhuận. Đảm bảo quyền lợi, lợi ích hài hòa cho tập thể người lao động và các cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2014, tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD sẽ tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, thiết bị vẫn tiềm ẩn những phát sinh dễ xảy ra sự cố; Giá cả VTTB tiếp tục tăng làm tăng chi phí đầu vào; Giá than vẫn tiếp tục có chiều hướng tăng cao. Năng lực cạnh tranh tại thị trường điện của công ty thấp do công nghệ thiết bị lạc hậu, lực lượng lao động còn đông, suất hao than cho 1 kWh điện cao hơn so với các nhà máy khác v.v .. dẫn đến khả năng cơ hội được phát sản lượng cao là khó, ảnh hưởng không tốt đến kế hoạch doanh thu và kế hoạch lợi nhuận, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người lao động.

Một số định hướng cơ bản cho năm 2014:

+ Triển khai đầu tư củng cố thiết bị, nhất là các thiết bị chính như Tuabin, máy biến thế, hệ thống cẩu bốc than, hệ thống khử bụi tĩnh điện. Triển khai thực hiện kế hoạch số : 376/QĐ-NBTPC-HĐQT ngày 18/11/2013 về việc đại tu phục hồi các turbine từ năm 2015-2018 (bao gồm thay mới 01 tổ máy, và đại tu 03 tổ máy còn lại để nâng cao hiệu suất của máy) Tiếp tục đổi mới công nghệ có chọn lọc để duy trì thời gian hoạt động của công ty.

+ Tiếp tục sắp xếp, bố trí lao động hợp lý trong dây chuyền sản xuất theo hướng tinh gọn nâng cao hiệu quả làm việc nhằm đảm bảo việc làm, thu nhập ổn cho người lao động và đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư.

+ Tập trung thực hiện các biện pháp có liên quan đến tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, quản lý tài chính, quản lý vật tư và quản lý lao động, thực hành tiết kiệm nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

+ Gắn sản xuất với công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển sản xuất bền vững.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực quản lý của công ty và nâng cao chất lượng công tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị.

a) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

- Từ ngày 01/1/2013 đến ngày 24/5/2013 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: - Hội đồng quản trị Công ty gồm 04 người (01 chủ tịch và 03 thành viên).

+ Ông Phạm Ngọc Hòa	- Chủ tịch chuyên trách
+ Ông Đỗ Hoành Khôi	- Ủy viên; Chức danh kiêm nhiệm
+ Ông Dương Thủy Đức	- Ủy viên; Chức danh kiêm nhiệm
+ Ông Nguyễn Quang Việt	- Ủy viên; Không điều hành

- Ngày 24/5/2013 Đại hội đồng cổ đông năm 2013 được tổ chức đã bầu ra Hội đồng quản trị nhiệm kỳ (2013-2017).

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: - Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 người (01 chủ tịch và 04 thành viên).

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

+ Ông Phạm Ngọc Hòa	- Chủ tịch chuyên trách
+ Ông Đỗ Hoành Khôi	- Ủy viên; Chức danh kiêm nhiệm
+ Ông Dương Thủy Đức	- Ủy viên; Chức danh kiêm nhiệm
+ Ông Lê Văn Danh	- Ủy viên; Không điều hành
+ Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	- Ủy viên: Không điều hành

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do công ty phát hành: Không có.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, để chỉ đạo và điều hành SXKD của Công ty được liên tục, hiệu quả, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã tiến hành họp 05 phiên họp định kỳ và nhiều lần hội ý. Hội đồng quản trị đã ra 59 quyết định về công tác tổ chức và SXKD theo phân cấp. Trong đó: bổ nhiệm mới 04 cán bộ trưởng, phó phòng và tương đương, bổ nhiệm lại 17 cán bộ từ phó tổng giám đốc công ty đến

các trưởng, phó phòng và tương đương. Tất cả các Quyết định này đều đã bám sát và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, do đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành triển khai các công việc có liên quan.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

2. Ban Kiểm soát:

- Từ ngày 01/1/2013 đến ngày 24/5/2013 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát gồm 3 người (01 trưởng ban và 02 thành viên).

+ Bà Lương Thị Nguyệt Trưởng ban
+ Ông Nguyễn Hồng Sơn Thành viên
+ Ông Chu Đình Đa Thành viên

- Ngày 24/5/2013 Đại hội đồng cổ đông năm 2013 được tổ chức đã bầu ra Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2013-2017)

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

+ Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Trưởng ban
+ Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên
+ Ông Nguyễn Quang Quyền - Thành viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, BKS thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban.

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã triển khai 02 cuộc họp chính thức và thường xuyên trao đổi trong công việc tập trung vào các nội dung:

- Kiểm tra hoạt động các mặt của các quý và của năm 2013.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính và Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty.
- Báo cáo tình hình đại hội cổ đông thường niên ...

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao của thành viên HĐQT và những người điều hành chủ chốt của Công ty năm 2013:

+ Lương của chủ tịch HĐQT : 40.000.000 đồng/tháng
+ Lương của Tổng Giám đốc : 31.000.000 . đồng/tháng
+ Thù lao của thành viên HĐQT : 6.000.000 đồng/người/tháng
+ Thù lao của thành viên BKS
- Trưởng Ban : 4.500.000 đồng/tháng
- Uỷ viên : 3.500.000 đồng/người/tháng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

HĐQT đã nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trước tập thể người lao động và các cổ đông, đã trực tiếp lãnh đạo Công ty hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông năm 2013 đề ra: Sản xuất ổn định và đạt hiệu quả, đời sống người lao động được ổn định, quyền lợi của các cổ đông được đảm bảo, vị thế của NBTPC được các nhà đầu tư quan tâm.

Mặc dù có nhiều cố gắng chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành mọi nhiệm vụ SXKD năm 2013 nhưng do chính sách của Nhà nước luôn thay đổi, nền kinh tế của thế giới và Việt Nam gặp nhiều khó khăn và có nhiều biến động nên trong công tác điều hành có lúc chưa theo kịp yêu cầu nên hiệu quả công việc trong một số trường hợp chưa được như mong muốn.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán

"Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam".

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán .*

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013 được lập theo các quy định hiện hành, bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Các chỉ tiêu tài chính cơ bản. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật.

Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình do Công ty dịch vụ Kiểm toán & Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán.

A: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	310.919,59	420.068,00
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	64.062,81	73.950,99
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	36.631,16	40.000,00
3	Các khoản phải thu	144.874,68	176.885,99
4	Hàng tồn kho	64.430,92	121.588,43
5	Tài sản ngắn hạn khác	920,02	7.672,59
II	Tài sản dài hạn	56.037,44	31.954,72
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	53.498,51	28.603,60
	-Tài sản cố định hữu hình	37.664,65	28.603,60
	-Tài sản cố định vô hình		
	-Tài sản cố định thuê tài chính		
	-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.833,85	
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.500,00	2.500,00

5	Tài sản dài hạn khác	38,937	851,13
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**366.957,03**	**452.022,73**
IV	Nợ phải trả	154.581,62	231.475,78
1	Nợ ngắn hạn	154.494,06	231.388,22
2	Nợ dài hạn	87,56	87,56
V	Vốn chủ sở hữu	212.375,41	220.546,95
	Vốn chủ sở hữu	212.375,41	220.546,95
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.655,00	128.655,00
	-Vốn khác của chủ sở hữu	17.721,17	18.349,09
	- Các quỹ đầu tư phát triển	36.562.29	44.105,91
	- Quỹ dự phòng tài chính	12.711,80	12.711,80
	- Lợi nhuận chưa phân phối	16.725,15	16.725,15
	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản		
VI	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**366.957,03**	**452.022,73**

B: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	626.714.537.504	866.624.925.423
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	626.714.537.504	866.624.925.423
4	Giá vốn hàng bán	553.627.807.082	780.852.926.630
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	73.086.730.422	85.771.998.793
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6.294.880.779	6.166.573.680
7	Chi phí tài chính	6.335.000	9.444.445
8	Chi phí bán hàng	702.341.500	395.101.943
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.309.717.478	49.249.174.943
10	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	34.363.217.223	42.284.851.142
11	Thu nhập khác	14.290.574.354	12.381.517.252
12	Chi phí khác	10.757.538.015	12.495.945.892
13	Lợi nhuận khác	3.533.036.339	-114.428.640
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.896.253.562	42.170.422.502
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.528.128.664	10.523.348.982
16	LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.368.124.898	31.647.073.520
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.205	2.460

C : BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VNĐ

	CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2012	NĂM 2013
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1.	*Lợi nhuận thuần trước thuế*	01	37.896.253.562	42.170.422.502
2.	*Điều chỉnh cho các khoản*			
	- Khấu hao tài sản cố định	*02*	9.714.938.355	9.542.716.822
	- Các khoản dự phòng	*03*	(232.315.873)	(162.942.784)
	- Lãi(lỗ) từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	*05*	(6.287.602.627)	(6.150.015.515)
	- Chi phí lãi vay	*06*	6.335.000	9.444.445
3.	*Lưu chuyển tiền thuần trước những thay đổi của vốn lưu động*	*08*	41.097.608.417	45.409.625.470

	- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	16.290.478.903	(32.523.088.730)
	- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(10.327.250.076)	(56.964.569.285)
	- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả	11	41.988.919.331	37.534.224.124
	- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	140.323.837	(718.664.530)
	- Lãi vay đã trả	13	(1.193.000)	
	- Thuế TNDN đã nộp	14	(11.499.787.024)	(14.053.597.749)
	- Tiền thu khác từ hoạt động SXKD	15	241.136.737	288.998.286
	- Tiền chi khác từ hoạt động SXKD	16	(31.894.322.291)	(13.376.950.324)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	46.035.914.834	(34.404.022.738)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	*21*		
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	*22*		21.600.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác	*23*	(30.000.000.000)	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công nợ của đơn vị khác	*24*		
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	*27*	2.284.225.997	4.270.610.449
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	(27.715.774.003)	4.292.210.449
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	*33*		40.000.000.000
2	Tiền chi trả nợ gốc vay	*34*	(180.000.000)	
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	*36*		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	(180.000.000)	40.000.000.000
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	18.140.140.831	9.888.187.711
V	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	45.922.666.573	64.062.807.404
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	64.062.807.404	73.950.995.115

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

MSDN: 2700.283.369 - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
TP. NINH BÌNH T. NINH BÌNH

Đỗ Hoành Khôi

Nơi nhận:
- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- HĐQT CTy;
- Lưu VT, Tổ Công bố TT.

PHỤ LỤC I

SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ VÀ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
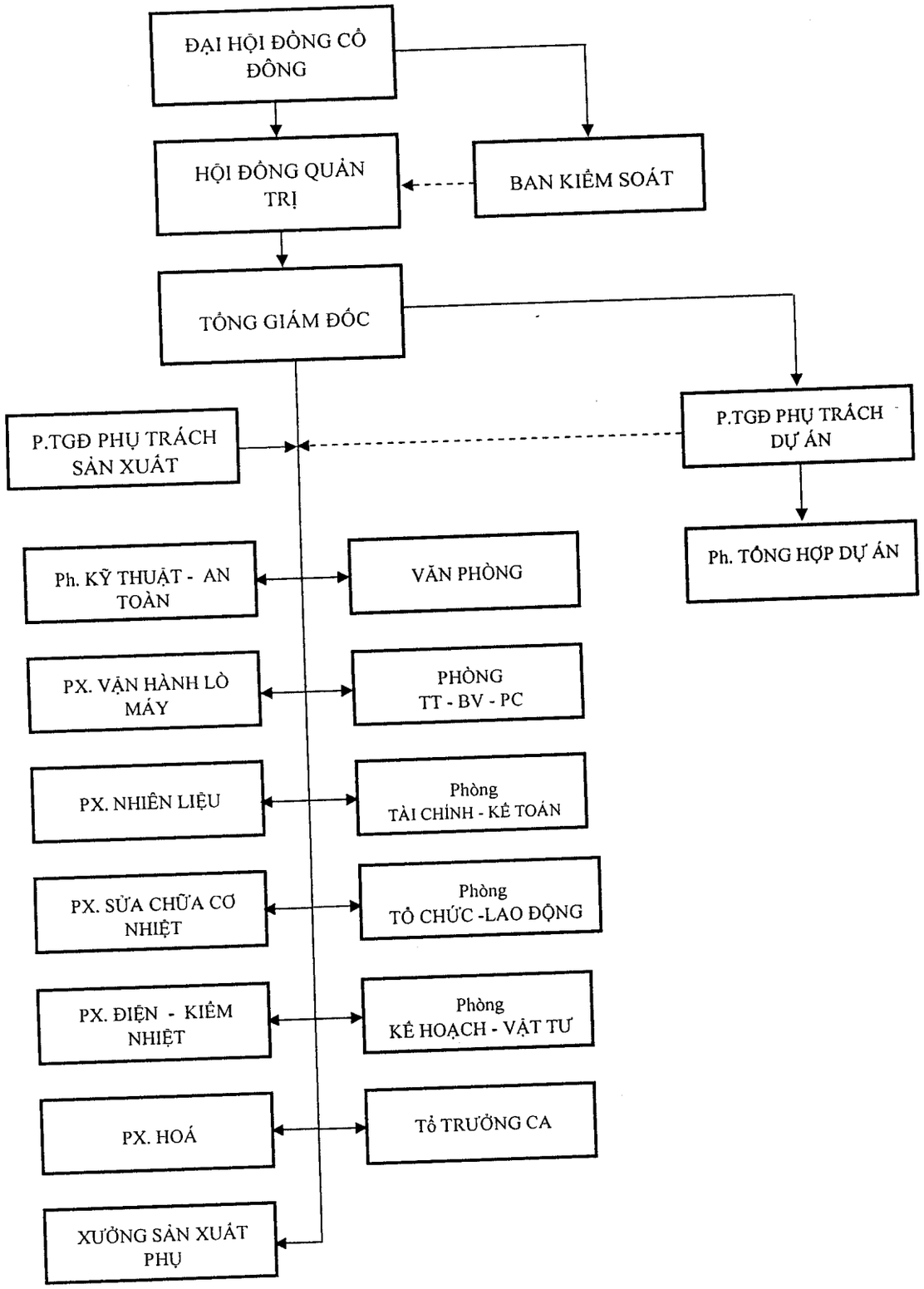
(Năm 2013)